



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Thứ Sáu, 30 Tháng Giêng 2026

Dữ liệu thị trường ngày 30/01/2026

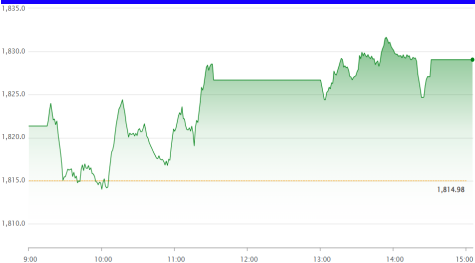
Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
-----------	----------	-----------

Chỉ số	1.829,04	256,13
Thay đổi (điểm)	14,06	3,41
Thay đổi (%)	0,77	1,35
KLGD (triệu cp)	878	97
GTGD (tỷ đồng)	29.057	2.302

NDT nước ngoài giao dịch ròng

HOSE	685	(tỷ đồng)
HNX	30	(tỷ đồng)
UPCOM	31	(tỷ đồng)

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

- Ảnh hưởng tích cực:**
BID, TCB, VCB, MWG,....
- Ảnh hưởng tiêu cực:**
VHM, GVR, FPT, HPG,....

VNINDEX DUY TRÌ ĐÀ HỒI PHỤC, SẮC XANH LAN TỎA HẦU HẾT CÁC NHÓM NGÀNH

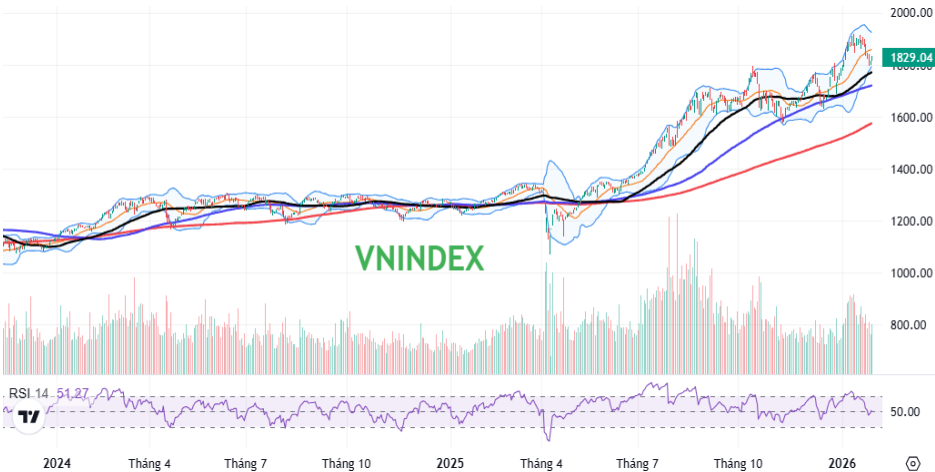
Chuyển động thị trường và dự báo:

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/01, VN-Index tăng 14,06 điểm (+0,77%), đóng cửa tại 1.889,04 điểm. Thị trường trở nên sôi động hơn khi lực cầu lan tỏa mạnh, với 533 mã tăng giá áp đảo khoảng 313 mã giảm, phản ánh tâm lý nhà đầu tư đang dần lạc quan trở lại. Diễn biến duy trì trên diện rộng khi có đến 10/11 nhóm ngành khởi sắc. Trong đó, nhóm năng lượng vươn lên dẫn dắt với mức tăng 2,76%, nổi bật với các mã cổ phiếu PLX (+2,08%), BSR (+2,52%), PVS (+4,37%) và PVD (+3,33%). Bên cạnh đó, nhóm ngân hàng cũng trở thành điểm sáng đáng chú ý khi lực cầu gia tăng mạnh về cuối phiên, giúp các cổ phiếu như BID, TCB, VCB, MBB và VPB trở thành nhóm đóng góp quan trọng nhất, mang về khoảng 7,37 điểm cho đà tăng chung của chỉ số. Ở chiều ngược lại, nhóm công nghệ thông tin vẫn chưa thể bắt nhịp hồi phục khi giảm 1,4%, dưới áp lực điều chỉnh từ các cổ phiếu đầu ngành như FPT (-1,51%), ELC (-1,21%) và VEC (-4,89%).

Về thanh khoản, dòng tiền có dấu hiệu khởi sắc trở lại khi giá trị giao dịch trên sàn HOSE tăng 14,22%, đạt 29.057 tỷ đồng, cho thấy lực cầu đang sôi động hơn rõ rệt trong nhịp hồi phục. Đáng chú ý, khối ngoại bất ngờ ghi nhận đảo chiều mua ròng với giá trị ròng đạt 736 tỷ đồng, tập trung mạnh vào các cổ phiếu HPG (385 tỷ đồng), MSN (277 tỷ đồng) và BID (180 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, VIC vẫn tiếp tục chịu áp lực bán ròng mạnh nhất với 323 tỷ đồng, nâng tổng giá trị bán ra của khối ngoại lên khoảng 3.364 tỷ đồng.

Phiên cuối tuần khép lại với sắc xanh lan tỏa, tuy nhiên dòng tiền có thể biến động khó lường trước khi bước vào giai đoạn nghỉ lễ. Nhà đầu tư nên ưu tiên chiến lược thận trọng, tập trung vào các cổ phiếu dẫn dắt và có câu chuyện hỗ trợ rõ ràng trong tuần tới.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, HPG, VCI, MSN, CTG.



Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	98.000	86.000
CTG	41.000	35.800
KBC	39.000	34.300
GMD	68.000	59.700
VPB	31.800	27.800
DBC	29.000	25.800
MBB	29.000	25.600

Danh sách công bố ngày 07/01/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 01.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	Tháng 11, doanh thu mảng điện thoại, điện máy (ICT) tăng 32% so với cùng kỳ, đạt 9,5 nghìn tỷ đồng, dù có giảm khi tháng trước đạt 10,5 nghìn tỷ đồng do giảm nhiệt của iphone, nhưng vẫn tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, mức nền tháng 11 năm ngoái cũng thấp do bão Yagi. Bách Hóa Xanh: Doanh thu đạt 4,2 nghìn tỷ đồng, tăng 6% so với tháng trước và 20% so với cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng tích cực dù bị tác động bởi bão lũ nhưng được bù đắp bởi số lượng cửa hàng tăng.	07/01/2026	89.800	98.000	86.000	9,1%
CTG	Theo Vietinbank thông tin, ngân hàng đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao 2025. Tổng tài sản ước đạt 2,8 triệu tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 18% so với năm 2024; dư nợ tín dụng ước đạt gần 2 triệu tỷ đồng, tăng khoảng 16% so với năm 2024 (9T: 13,4%). Tỷ lệ nợ xấu trên dư nợ tín dụng ở mức dưới 1,5% (9T: 1,09%), trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục được duy trì ở mức cao. Nguồn vốn huy động ước đạt gần 2 triệu tỷ đồng, tăng 13% so với cuối năm 2024.	07/01/2026	37.450	41.000	35.800	9,5%
KBC	Ước tính tại cuối quý 4, KBC còn khoảng 100 hecta doanh số đã ký chưa ghi nhận, điều này sẽ đóng góp nhiều hơn vào năm 2026. Kết quả kinh doanh quý 4 với ước tính ghi nhận khoảng 20 hecta trên tổng số 25 hecta doanh số đã ký của KCN Nam Sơn Hợp Lĩnh. Tháng 12 2025, KBC đã khởi công KCN Phú Bình 675 hecta. Triển vọng 2026 đến từ (1) Khu đô thị Trảng Cát được mở bán, (2) lượng backlog chưa ghi nhận khoảng 100 hecta từ 2025 chuyển sang 2026.	07/01/2026	35.800	39.000	34.300	8,9%
GMD	Theo Bộ Xây dựng, khung giá dịch vụ bốc dỡ container nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh và trung chuyển tại hai khu vực cảng nước sâu được điều chỉnh tăng khoảng 10% so với mức hiện hành, áp dụng từ 01/02/2026. Triển vọng 2026: (1) thương mại VN tiếp tục tăng trưởng, (2) tăng giá dịch vụ, (3) đóng góp từ cảng Nam Đình Vũ GĐ3.	07/01/2026	62.700	68.000	59.700	8,5%
VPB	Tăng trưởng tín dụng quý 4 ước tính 36%, đóng góp kết quả tích cực cho quý 4. Trong đầu năm 2026, kỳ vọng VPB bán vốn 5% cổ phần cho SMBC, SMBC gần đây có động thái tăng tỷ lệ sở hữu tại các tổ chức tài chính ở nhiều quốc gia.	07/01/2026	29.250	31.800	27.800	8,7%
DBC	Giá heo hơi tăng mạnh từ tháng 11 đến đầu tháng 1 2026, với mức giá trung bình từ 48 tăng lên 67 nghìn đồng/kg. Mức tăng của giá heo hơi đến từ nguồn cung giảm trong khi nhu cầu mùa vụ quý 4, bởi (1) dịch bệnh heo châu phi (ASF) bùng phát trong quý 3 dẫn đến bán chạy đàn, (2) thời tiết bão lũ tháng 10+11 ảnh hưởng đến đàn heo, (3) nhu cầu tăng dịp lễ tết.	07/01/2026	26.850	29.000	25.800	8,0%
MBB	Năm 2025, MBB đặt mục tiêu 31,7 nghìn tỷ lãi trước thuế. Kết quả sơ bộ đạt được là 33,7 nghìn tỷ lãi trước thuế. Từ đó, quý 4, MBB đạt được 10,6 nghìn tỷ lãi trước thuế, tăng 31% so với cùng kỳ, ước tính tăng trưởng tín dụng 32% (9T2025: 18,6%).	07/01/2026	26.700	29.000	25.600	8,6%

(*) Danh mục tháng 1-2026 so với tháng 12-2025, chúng tôi loại HPG, HHV, MSN, thêm mới các mã GMD, KBC, DBC, trong khi giữ lại MWG, CTG, VPB, MBB. Đối với HHV, chúng tôi loại khỏi danh mục do chạm mức cắt lỗ, những sẽ xem xét cân nhắc thêm vào trở lại, thời tiết được dự báo thuận lợi hơn trong nửa đầu năm 2026, điều này sẽ tạo điều kiện cho các dự án đầu tư công được thúc đẩy nhanh hơn, chúng tôi cho rằng dịp sau Tết Nguyên Đán cũng là thời điểm khởi công sôi động nhất của ngành, tăng trưởng đầu tư công tháng 12 cả nước đạt 29% và duy trì mức cao (xem thêm [Bản tin thị trường ngày 06/01/2025, trang 3](#)). Đối với HPG và MSN, chúng tôi tạm thời loại do cơ cấu lại danh mục, theo hướng phù hợp với biến động của thị trường nhiều hơn, cả 2 cổ phiếu này đều có dư địa tăng lớn cùng kết quả kinh doanh trong 2026 và sẽ được thêm vào Danh mục trở lại sau. Đối với MWG, VPB, MBB, CTG, đây vẫn là những lựa chọn hàng đầu của năm 2026. Đối với MWG, việc IPO công ty con là Điện Máy Xanh và mở rộng chuỗi BHX là chất xúc tác cho tăng trưởng, chuỗi BHX đang đẩy mạnh mở rộng tại khu vực phía Bắc khi mở rộng tuyển dụng tại các tỉnh thành Hà Nội, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Ninh Bình. Đối với CTG, tăng trưởng cốt lõi đi cùng với bộ đệm dự phòng mạnh mẽ, nợ xấu thấp. Đối với MBB, tăng trưởng mạnh trong 2026 sau quá trình cơ cấu 2025 và các khách hàng có rủi ro cao trong ngành năng lượng, bất động sản được tháo gỡ vướng mắc. VPB kỳ vọng đầu năm 2026 với việc SMBC thoái vốn, trong khi MBB và VPB đều được hạn mức room tín dụng cao hơn ngành do tham gia tái cơ cấu ngân hàng Ođồng, hưởng lợi từ Nghị quyết 42 về xử lý tài sản. Đối với GMD và DBC, đều có những câu chuyện riêng biệt, khi xuất nhập khẩu tiếp tục duy trì tăng trưởng cao trong 2025 nhờ nhóm doanh nghiệp FDI và chúng tôi quan sát thấy đã có những hồi phục nhẹ từ nhóm doanh nghiệp trong nước với các đơn hàng nhiều hơn; giá heo hơi tăng mạnh cũng sẽ góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh nhóm ngành heo hơi đầu năm 2026, tương tự như cùng kỳ đầu năm 2025. Về diễn biến thị trường, VNINDEX đã có những phiên tăng mạnh trong tháng 12 kéo dài qua đầu tháng 1-2026, dù có 2 phiên giảm mạnh tháng 12 nhưng cũng nhanh chóng hồi phục trở lại, nền thanh khoản trong tháng 12 ở mức thấp nhưng chỉ số liên tục được kéo bởi nhóm Vingroup, dẫn đến mức độ lan tỏa thị trường không cao trong khi chỉ số Vnindex tăng hơn 6%. Chúng tôi cho rằng, diễn biến thị trường từ tháng 9 đến tháng 12 là khó, nhiều nhóm cổ phiếu đi ngang hoặc điều chỉnh/giảm dù chỉ số tăng. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội cho năm 2026 khi nhiều nhóm ngành còn vùng định giá thấp sau thời gian điều chỉnh. Rủi ro trong tháng 1-2026 theo là từ sau ngày 15/1 trở đi đến gần cuối tháng 1, thời điểm Đại hội Đảng có thể sẽ có những **rungrun lạc mạnh** đối với thị trường, nhà đầu tư nên cẩn trọng nhiều hơn ở thời điểm này. Dù là kịch bản nào xảy ra, chúng tôi vẫn cho rằng thị trường sẽ có nhịp tăng mới sau Đại hội, khi tâm lý lo ngại được giải tỏa. Bộ máy Đảng bộ điều hành mới, cùng những chính sách quyết liệt trong năm 2025-2026, nâng hạng thị trường, điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước với kỳ vọng lãi suất hạ nhiệt từ tháng 3, giải ngân đầu tư công mạnh mẽ, tiêu dùng bán lẻ hồi phục, củng cố kinh tế trong nước đi cùng hạ tầng và năng lượng, là những chất xúc tác cho nền kinh tế và thị trường chứng khoán 2026!.

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

DGW: Quý 4.2025, DGW đạt doanh thu 7.990 tỷ đồng (+36% YoY), LNST 160 tỷ đồng (+14%). Laptop & tablet tăng mạnh nhất (+76%) đạt 2.008 tỷ đồng nhờ nhu cầu PC AI và giá RAM tăng. Điện thoại đạt 3.210 tỷ đồng (+19%) nhờ iPhone 17, Motorola quay lại và Xiaomi tăng trưởng. Thiết bị văn phòng đạt 1.910 tỷ đồng (+40%), dẫn dắt bởi server (+79%) và IoT (+17%). Gia dụng đạt 567 tỷ đồng (+56%), tiêu dùng đạt 295 tỷ đồng (-1%). Cả năm 2025, doanh thu 26.632 tỷ đồng (+21%), LNST 548 tỷ đồng (+24%), hoàn thành 105% kế hoạch. Năm 2025, DGW ký đối tác chiến lược với Sony, Motorola, H3C, ASUS, AOC, Gigabyte, Suunto... DGW hiện có 788 tỷ đồng đầu tư vào các cổ phiếu như HPG, VPB, TCB,...

DCM: Năm 2025, Đạm Cà Mau (DCM) ghi nhận KQKD tăng trưởng mạnh dù không còn lợi nhuận đột biến từ KVF. Quý 4/2025, doanh thu đạt hơn 4,5 nghìn tỷ đồng (+7% YoY), lãi gộp tăng 84% lên 1,25 nghìn tỷ đồng, biên gộp gần 28%; LNST đạt 390 tỷ đồng (+38%) dù chi phí QLDN tăng mạnh. Cả năm, doanh thu gần 17 nghìn tỷ đồng (+26%), LNST 1.917 tỷ đồng (+34%), vượt xa kế hoạch. DCM sở hữu hơn 7,76 nghìn tỷ đồng tiền mặt, nợ vay thấp và dự kiến cổ tức 2025 tối thiểu 20%.

HPG: Năm 2025, HPG ghi nhận doanh thu thuần 158.332 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2024, và lợi nhuận sau thuế đạt 15.515 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Quý 4.2025, HPG doanh thu 47.302 tỷ đồng (+34% YoY) và lợi nhuận sau thuế 3.888 tỷ đồng (+38% YoY). Mảng gang thép và sản phẩm liên quan tiếp tục là trụ cột doanh thu chính, chiếm tới 94% tổng doanh thu. Sản lượng thép thô đạt 11 triệu tấn, tăng 26% so với 2024; đồng thời bán hàng thép cuộn cán nóng, thép xây dựng và phôi thép đạt 10,6 triệu tấn, tăng 31%. Trong đó thép cuộn cán nóng HRC đóng góp 5 triệu tấn (+73%). Ngoài ra, các lĩnh vực như nông nghiệp, điện máy gia dụng và bất động sản đều ghi nhận tăng trưởng, trong đó nông nghiệp đạt 8.326 tỷ đồng doanh thu (+18%) và 1.600 tỷ lợi nhuận (+55%).

VGI: Năm 2025, Viettel Global (VGI) ghi nhận kết quả kỷ lục với doanh thu thuần 44.188 tỷ đồng (+28% YoY) và LNST 11.273 tỷ đồng (+57%), duy trì chuỗi 16 quý tăng trưởng liên tiếp; tăng trưởng doanh thu cao gấp 5-6 lần trung bình ngành viễn thông toàn cầu. Riêng quý 4.2025, doanh thu đạt 12.306 tỷ đồng – mức cao nhất lịch sử. Tổng tài sản cuối năm đạt gần 81.500 tỷ đồng (+29%). VGI đã thương mại hóa 5G tại 5 thị trường và mở rộng sang logistics, data center, cloud và hệ sinh thái số.

FRT: Năm 2025, FPT Retail đạt doanh thu hợp nhất 51.083 tỷ đồng (+27% YoY), vượt 6% kế hoạch; LNST 1.219 tỷ đồng (+131% YoY), hoàn thành 135% kế hoạch. Doanh thu online 9.344 tỷ đồng (+30%). Chuỗi Long Châu dẫn dắt tăng trưởng với doanh thu 34.501 tỷ đồng (+36%), chiếm 68% tổng doanh thu, vận hành 2.640 điểm phục vụ. FPT Shop phục hồi và có lãi trở lại, doanh thu 16.809 tỷ đồng (+11%), quý 4 tăng 25%; MVNO đạt 620.000 thuê bao.

VIC: Năm 2025, Vingroup đạt doanh thu kỷ lục 332.770 tỷ đồng (+76% YoY); LNST 26.300 tỷ (+57%) và LNST 11.146 tỷ đồng (+111%), vượt kế hoạch. Tổng tài sản đạt 1,12 triệu tỷ đồng (+34%). VinFast bàn giao 196.919 ô tô toàn cầu, 175.000 xe tại Việt Nam; bán 406.453 xe máy điện, giữ thị phần số 1. Vinhomes đạt doanh số bán 205,3 nghìn tỷ đồng; backlog 186,4 nghìn tỷ. Vinpearl bán 2,3 triệu đêm phòng (+21%); VinWonders đón hơn 9 triệu lượt khách.

VHM: Năm 2025, Vinhomes lập kỷ lục với doanh thu quý 4 khoảng 103.000 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần cùng kỳ. Doanh thu thuần cả năm đạt 154.100 tỷ đồng (+50% YoY); doanh thu quy đổi hơn 183.900 tỷ (+30%). Lãi sau thuế đạt 42.111 tỷ đồng (+20%), cao nhất lịch sử. Doanh số bán hàng đạt 205.250 tỷ đồng, gấp đôi 2024; doanh số chưa ghi nhận 186.400 tỷ. Tổng tài sản 786.300 tỷ (+39%), tiền mặt gần 50.000 tỷ (+73%). Quỹ đất gần 20.000 ha.

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 1+2+3 (2025)

Danh sách khuyến nghị tháng 1.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời
KDH	13/01/2025	34.450	06/02/2025	34.600	0,44%
HAH	13/01/2025	49.450	06/02/2025	54.100	9,40%
STB	13/01/2025	35.300	06/02/2025	37.350	5,81%
CTG	13/01/2025	37.700	06/02/2025	39.500	4,77%
CTD	13/01/2025	71.200	06/02/2025	81.900	15,03%
VNINDEX	13/01/2025	1235,65	06/02/2025	1271,48	2,90%
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 13/01 - 06/02					7,09%

Danh sách khuyến nghị tháng 2.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời
KDH	07/02/2025	34.550	06/03/2025	33.550	-2,89%
CTG	07/02/2025	40.800	06/03/2025	41.650	2,08%
CTD	07/02/2025	81.900	06/03/2025	96.000	17,22%
HT1	07/02/2025	12.450	06/03/2025	12.550	0,80%
VCG	07/02/2025	20.300	06/03/2025	22.000	8,37%
HHV	07/02/2025	12.550	06/03/2025	12.800	1,99%
VNINDEX					3,37%
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/02 - 06/03					4,60%

Danh sách khuyến nghị tháng 3.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
DXG	07/03/2025	16.350	10/04/2025	13.150	-19,57%	12.300 - 17.200	-3,36%
CTG	07/03/2025	42.400	10/04/2025	36.150	-14,74%	33.800 - 43.300	-2,83%
CTD	07/03/2025	94.000	10/04/2025	68.800	-26,81%	64.300 - 94.000	-5,32%
SSI	07/03/2025	26.900	10/04/2025	22.000	-18,22%	20.600 - 27.450	-3,35%
VCG	07/03/2025	21.600	10/04/2025	19.450	-9,95%	18.050 - 22.600	-4,17%
SIP	07/03/2025	89.600	10/04/2025	69.000	-22,99%	64.500 - 94.800	-3,46%
VNINDEX	07/03/2025	1326,05	10/04/2025	1168,34	-11,89%	1073,61 - 1342,91	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/03 - 10/04					-18,71%		-3,75%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 4+5+6 (2025)

Danh sách khuyến nghị tháng 4.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
VCG	10/04/2025	19.450	07/05/2025	21.600	11,05%	19.700 - 22.800	-5,91%
HVN	10/04/2025	27.600	07/05/2025	34.950	26,63%	27.650 - 35.000	-6,16%
ACV	10/04/2025	96.600	07/05/2025	93.200	-3,52%	85.000 - 100.000	-6,83%
MBB	10/04/2025	22.050	07/05/2025	23.250	5,44%	21.550 - 23.850	-6,58%
STB	10/04/2025	35.400	07/05/2025	38.850	9,75%	35.400 - 41.200	-4,80%
HAH	10/04/2025	48.200	07/05/2025	66.500	37,97%	48.000 - 66.600	-4,56%
VNINDEX	10/04/2025	1.168,34	07/05/2025	1250,37	7,02%	1.073,61 - 1.342,91	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 10/04 - 07/05					14,55%		-5,81%

Danh sách khuyến nghị tháng 5.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
PLC*	07/05/2025	25.320	06/06/2025	26.800	5,72%	24.400 - 28.300	-4,26%
HVN	07/05/2025	34.950	06/06/2025	38.300	9,59%	33.150 - 40.950	-4,15%
CTD	07/05/2025	77.900	06/06/2025	80.300	3,08%	77.900 - 84.400	-3,21%
MBB	07/05/2025	23.250	06/06/2025	24.150	3,87%	23.200 - 25.550	-3,23%
MWG	07/05/2025	60.100	06/06/2025	60.500	0,67%	58.900 - 64.400	-3,99%
HAH	07/05/2025	66.500	06/06/2025	76.000	14,29%	64.600 - 90.000	-4,96%
GVR	07/05/2025	24.850	06/06/2025	28.350	14,08%	25.100 - 30.400	-4,63%
VNINDEX	07/05/2025	1250,37	06/06/2025	1329,89	6,36%	1.250 - 1.342	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 06/06					7,33%		-4,06%

*PLC chia cổ tức tiền mặt 500đ vào ngày 29/5, các mức giá được điều chỉnh, tỷ suất sinh lời bao gồm cổ tức nhận về sau thuế

Danh sách khuyến nghị tháng 6.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
PLC	06/06/2025	26.800	07/07/2025	25.000	-6,72%	24.400 - 28.300	-4,26%
HVN	06/06/2025	38.300	07/07/2025	38.000	-0,78%	33.150 - 40.950	-4,18%
CTG	06/06/2025	38.200	07/07/2025	44.400	16,23%	37.550 - 44.400	-2,88%
MWG	06/06/2025	60.500	07/07/2025	66.500	9,92%	59.900 - 66.800	-3,47%
DXG	06/06/2025	15.850	07/07/2025	17.250	8,83%	23.750 - 25.900	-4,73%
HDG	06/06/2025	27.000	07/07/2025	25.600	-5,19%	23.750 - 26.850	-4,44%
GEG	06/06/2025	16.550	07/07/2025	16.200	-2,11%	15.200 - 16.800	-4,53%
VNINDEX	06/06/2025	1329,89	07/07/2025	1402,26	5,44%	1.304 - 1.402	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 06/06 - 07/07					2,88%		-4,07%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 7+8+9 (2025)

Danh sách khuyến nghị tháng 7.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
CTG	07/07/2025	44.400	08/08/2025	47.700	7,43%	43.600 - 48.750	-4,26%
DXG	07/07/2025	17.250	08/08/2025	21.400	24,06%	16.550 - 21.500	-4,35%
MWG*	07/07/2025	66.500	08/08/2025	72.000	9,70%	65.200 - 72.800	-3,61%
DPG	07/07/2025	44.700	08/08/2025	45.800	2,46%	41.850 - 49.800	-4,03%
VPB	07/07/2025	19.300	08/08/2025	29.550	53,11%	19.050 - 29.550	-3,63%
HDG	07/07/2025	25.600	08/08/2025	28.000	9,38%	24.800 - 29.500	-3,91%
GEG	07/07/2025	16.200	08/08/2025	17.000	4,94%	16.150 - 18.450	-4,32%
VNINDEX	07/07/2025	1402,26	08/08/2025	1584,95	13,03%	1.403 - 1.585	

Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/07 - 08/08

15,87%

-4,01%

*MWG chia cổ tức tiền mặt 1.000đ vào ngày 24/7, tỷ suất sinh lời bao gồm cổ tức nhận về sau thuế

Danh sách khuyến nghị tháng 8.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
PVD	08/08/2025	23.000	08/09/2025	22.200	-3,48%	20.700 - 23.800	-4,78%
DXG	08/08/2025	21.400	08/09/2025	22.550	5,37%	19.550 - 24.500	-4,21%
MWG	08/08/2025	72.000	08/09/2025	74.000	2,78%	68.000 - 78.300	-3,89%
DPG	08/08/2025	45.800	08/09/2025	42.050	-8,19%	41.900 - 51.500	-5,02%
DCM	08/08/2025	41.500	08/09/2025	37.700	-9,16%	37.500 - 43.850	-4,82%
HDG	08/08/2025	28.000	08/09/2025	29.200	4,29%	27.600 - 35.050	-4,29%
NT2	08/08/2025	21.650	08/09/2025	21.300	-1,62%	20.800 - 23.500	-3,93%
VNINDEX	08/08/2025	1.584,95	08/09/2025	1.624,53	2,50%	1.585 - 1.711	

Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/08 - 08/09

-1,43%

-4,42%

Danh sách khuyến nghị tháng 9.2025 (*PVD chia cổ tức tiền mặt 500đ, tỷ suất sinh lời của PVD đã điều chỉnh cổ tức sau thuế)

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	08/09/2025	74.000	07/10/2025	78.000	5,41%	73.700 - 81.400	-4,73%
CTG	08/09/2025	49.500	07/10/2025	51.600	4,24%	48.850 - 53.100	-3,03%
HPG	08/09/2025	28.900	07/10/2025	29.000	0,35%	27.350 - 30.850	-3,81%
HCM	08/09/2025	27.500	07/10/2025	27.600	0,36%	25.850 - 28.250	-3,64%
PVD	08/09/2025	22.200	07/10/2025	21.050	-3,04%	20.700 - 23.950	-3,15%
DCM	08/09/2025	37.700	07/10/2025	35.600	-5,57%	34.750 - 39.950	-3,18%
DXG	08/09/2025	22.550	07/10/2025	20.600	-8,65%	19.700 - 24.500	-4,66%
VNINDEX	08/09/2025	1.624,53	07/10/2025	1.685,3	3,74%	1.605,75 - 1.703,9	

Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/09 - 07/10

-0,99%

-3,74%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC THÁNG 10+11+12 (2025)

Danh sách khuyến nghị tháng 10.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/10/2025	78.000	07/11/2026	76.500	-1,92%	76.500 - 87.900	-5,13%
CTG*	07/10/2025	51.600	07/11/2026	49.000	-4,21%	56.050 - 47.750	-5,04%
HPG	07/10/2025	29.000	07/11/2026	26.050	-10,17%	29.750 - 25.950	-4,48%
HCM	07/10/2025	27.600	07/11/2026	21.900	-20,65%	28.450 - 21.850	-5,80%
PVD	07/10/2025	21.050	07/11/2026	24.700	17,34%	18.800 - 25.700	-3,56%
SSI	07/10/2025	40.800	07/11/2026	32.950	-19,24%	32.100 - 43.300	-6,86%
DCM	07/10/2025	35.600	07/11/2026	34.200	-3,93%	37.050 - 32.000	-4,78%
VNINDEX	07/10/2025	1.685,3	07/11/2025	1.599,1	-5,11%		

Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/10 - 07/11

-6,11%

-5,09%

*CTG chia cổ tức tiền mặt 450đ vào ngày 13/10, tỷ suất sinh lời bao gồm cổ tức nhận về sau thuế

Danh sách khuyến nghị tháng 11.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/11/2025	76.500	08/12/2025	84.900	10,98%	76.300 - 86.200	-4,58%
CTG	07/11/2025	49.000	08/12/2025	51.100	4,29%	47.000 - 52.400	-4,08%
HPG	07/11/2025	26.050	08/12/2025	26.750	2,69%	26.000 - 28.350	-4,03%
HHV	07/11/2025	13.900	08/12/2025	14.650	5,40%	13.150 - 14.900	-4,32%
VPB	07/11/2025	27.500	08/12/2025	29.700	8,00%	27.400 - 30.450	-4,73%
MSN	07/11/2025	76.800	08/12/2025	77.900	1,43%	76.000 - 81.300	-4,95%
DCM	07/11/2025	34.200	08/12/2025	33.800	-1,17%	33.500 - 35.800	-4,39%
VNINDEX	07/11/2025	1.599,1	08/12/2025	1.753,7	9,67%	1.578,4 - 1.758,4	

Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/11 - 08/12

4,52%

-4,44%

Danh sách khuyến nghị tháng 12.2025

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	08/12/2025	84.900	07/01/2026	89.800	5,77%	77.500 - 90.000	-4,59%
CTG*	08/12/2025	35.330	07/01/2026	37.450	6,00%	33.900 - 34.450	-2,72%
HPG	08/12/2025	26.750	07/01/2026	26.600	-0,56%	25.350 - 27.700	-3,93%
HHV*	08/12/2025	14.300	07/01/2026	12.750	-10,84%	14.550 - 12.200	-4,44%
VPB	08/12/2025	29.700	07/01/2026	29.250	-1,52%	26.600 - 29.750	-3,70%
MSN	08/12/2025	77.900	07/01/2026	78.400	0,64%	73.000 - 78.400	-4,24%
MBB	08/12/2025	25.300	07/01/2026	26.700	5,53%	23.500 - 26.850	-4,35%
VNINDEX	08/12/2025	1.753,7	07/01/2026	1.861,6	6,15%	1.629,37 - 1.861,58	

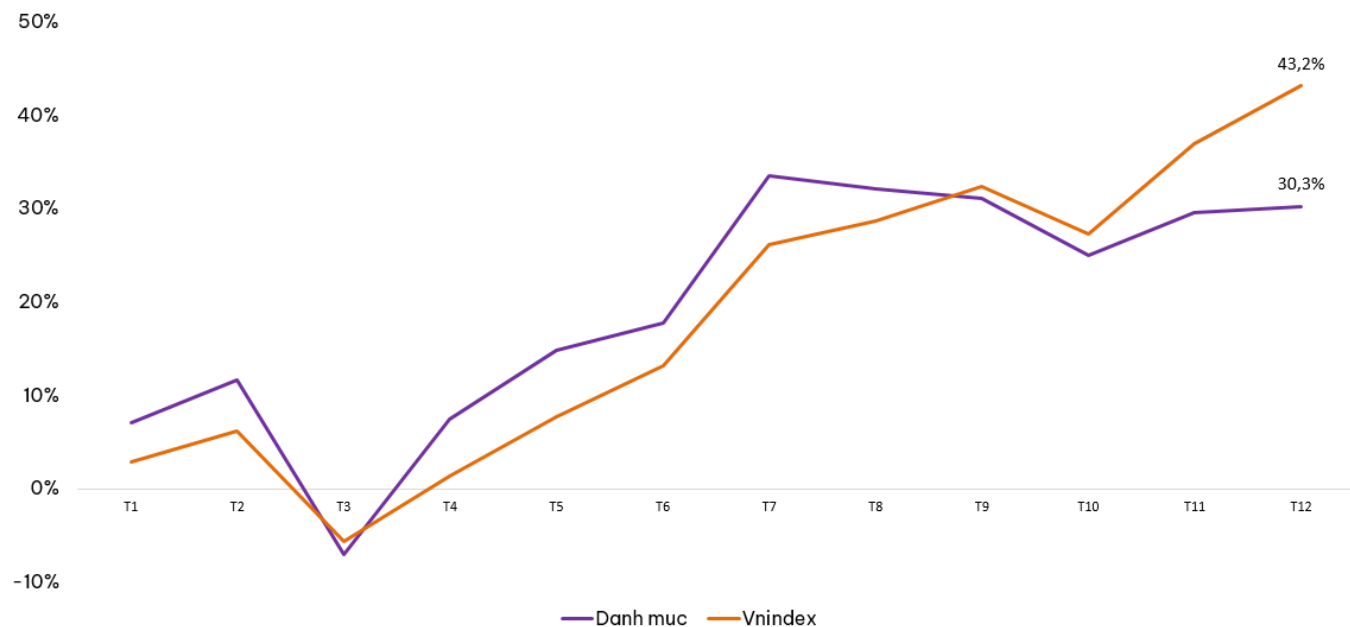
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/11 - 08/12 (*các mức giá CTG, HHV được điều chỉnh do chốt quyền)

0,72%

-3,99%

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)

Hiệu suất Danh mục & Vnindex



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt sổ tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

[Danh sách khuyến nghị tháng 1 \(13/01\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 2 \(07/02\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 3 \(07/03\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 4 \(09/04\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 5 \(07/05\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 6 \(06/06\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 7 \(07/07\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 8 \(08/08\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 9 \(08/09\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 10 \(07/10\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 11 \(07/11\)](#)

[Danh sách khuyến nghị tháng 12 \(08/12\)](#)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

• Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 – 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

• Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

• Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 – 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.